

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Tháng 6

- Tên nhiệm vụ:** Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cửa Đạt, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp
- Ngày quan trắc:** 18 – 19/6/2024 **Ngày cung cấp TT:** 20/6/2024
- Tình trạng hoạt động của các công khi lấy mẫu:**

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của công
1	3	TL. cầu máng Phùng Giáo (Sông Âm)	Công mở.
2	4	TL. công điều tiết Kiên Thọ	Công mở.
3	5	TL. Cùm đầu mối đập Bái Thượng	Công mở.
4	6	TL. Công xả Mực Sơn	Công mở.
5	7	TL. đập điều tiết Bàn Thạch	Công mở.
6	8	TL. đập điều tiết Bột Thượng	Công mở.
7	9	TL. xi phong Bình Trị	Công mở.
8	10	TL. đập điều tiết Phong Lạc	Công mở.
9	11	TL. đập điều tiết Quy Xá	Công mở.
10	12	TL. đập điều tiết Lộc Giang	Công mở.
11	13	TL. Xi phong Mật Sơn	Công mở.
12	14	TL. đập điều tiết Chợ Nhàn	Công mở.
13	15	TL. đập điều tiết Quảng Minh	Công mở.
14	16	TL. đập điều tiết Đại Lý	Công mở.

15	17	TL. đập điều tiết Đồng Lạc	Công mở.
16	18	TL. xiphông sông Lý	Công đóng.
17	19	TL. công điều tiết Phúc Như	Công mở.
18	20	TL. xiphông Đô Xá	Công mở.
19	21	TL. đập điều tiết Phương Khê	Công mở.
20	22	TL. đập điều tiết Cổ Định	Công mở.
21	23	TL. Xi phông Nguyễn Thôn	Công mở.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 23 vị trí

5. Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

6. Đơn vị nhận thông tin: Cục Thủy lợi, Công ty TNHH MTV Sông Chu, Ban Quản lý và ĐTXD Thủy lợi 3, Chi cục Thủy lợi Thanh Hóa.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2023 và số liệu khảo sát hiện trường sơ bộ nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các hạng như sau:

A – Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Thượng lưu hồ Cửa Đạt, Vị trí nuôi cá lồng, TL. cầu máng Phùng Giáo (Sông Âm), TL. công điều tiết Kiên Thọ, TL. Cùm đầu mối đập Bái Thượng, Công xã Mục Sơn, TL. đập điều tiết Bàn Thạch, TL. đập điều tiết Bột Thượng, TL. xi phông Bình Trị, TL. đập điều tiết Phong Lạc, TL. đập điều tiết Quy Xá, TL. đập điều tiết Lộc Giang, TL. đập điều tiết Đồng Lạc, TL. xi phông sông Lý, TL. công điều tiết Phúc Như, TL. Xi phông Đô Xá, TL. đập điều tiết Phương Khê, TL. đập điều tiết Cổ Định, TL. Xi phông Nhuyễn Thôn.

B – Sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Các vị trí đạt giới hạn trên, TL. Xi phông Mật Sơn, TL. đập điều tiết Chợ Nhàn, TL. đập điều tiết Đại Lý.

C – Sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp), không gây mùi khó chịu: Các vị trí đạt giới hạn trên, TL. đập điều tiết Quảng Minh.

D – Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: Các vị trí đạt giới hạn trên.

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A				6.5 – 8.5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8.5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8.5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
1	Thượng lưu hồ Cửa Đạt	Đánh giá chất lượng nước hồ Cửa Đạt trước khi đưa về hạ lưu sông Chu tới Bái Thượng.	Trời nắng, nhiệt độ = 37°C, độ ẩm 50%, mật độ mây 58%, gió ĐN 6 km/h. Không có dòng chảy. Nước qua thủy điện Cửa Đạt về hạ lưu sông Chu. Nước màu xanh trong.	6.95	8.3	6.5	0.1	0.210	0.149	78	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
2	Vị trí nuôi cá lồng	Đánh giá chất lượng nước hồ Cửa Đạt tại vị trí nuôi cá lồng.	Trời nắng, nhiệt độ = 37°C, độ ẩm 55%, mật độ mây 52%, gió ĐN 6 km/h. Không có dòng chảy. Mẫu được lấy	7.37	13	6.72	0.1	0.241	0.140	64	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
			tại khi vực nuôi cá lồng gần bến thuyền. Nước màu xanh.								
3	TL. cầu máng Phụng Giáo (Sông Âm)	Đánh giá CLN thượng lưu kênh Bắc Sông Chu – Nam Sông Mã sau khi lấy nước qua thủy điện Dốc Cáy.	Trời nắng, nhiệt độ = 37°C, độ ẩm 55%, mật độ mây 50%, gió ĐN 6 km/h. Dòng chảy nhanh, cống mở. Nước màu xanh trong.	6.63	13.9	6.8	0.1	0.186	0.383	71	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
4	TL. công điều tiết Kiên Thọ	Đánh giá chất lượng nước trên kênh Bắc Sông Chu – Nam Sông	Trời nắng, nhiệt độ = 37°C, độ ẩm 55%, mật độ mây 50%, gió ĐN 6 km/h. Dòng chảy nhanh,	7.14	17.7	7.9	0.1	0.155	0.401	74	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		Mã trước khi phân thành 2 nhánh kênh Nam và kênh Bắc tưới cho vùng Bắc Sông Chu – Nam Sông Mã.	công mở, mực nước cao. Nước màu xanh trong.								
5	TL. Cụm đầu mối đập Bái Thượng	Đánh giá CLN sông Chu trước khi lấy nước vào hệ thống Bái Thượng.	Trời nắng, nhiệt độ = 37°C, độ ẩm 54%, mật độ mây 60%, gió ĐN 8 km/h. Dòng chảy trung bình, công mở. Nước màu xanh trong.	6.4	16.4	6.62	0.1	0.311	0.270	75	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
6	Cống xả	Đánh giá	Trời nắng, nhiệt độ	6.5	17.1	6.75	0.1	0.373	0.315	82	Các chỉ tiêu

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	Mục Sơn	CLN kênh chính sau khi từ Bái Thượng về chày qua khu vực Bái Thượng và TT Mục Sơn để xả về tưới cho vùng đồng bằng bên hữu kênh chính.	= 37°C, độ ẩm 54%, mật độ mây 60%, gió ĐN 8 km/h. Dòng chày trung bình, cống mở. Nước màu xanh trong.								quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
7	TL. đập điều tiết Bàn Thạch	Đánh giá CLN hạ lưu kênh chính khi đã chày qua các khu dân cư sinh sông xung	Trời nắng, nhiệt độ = 37°C, độ ẩm 52%, mật độ mây 60%, gió ĐN 10 km/h. Dòng chày trung bình, cống mở.	6.9	21.9	6.51	0.1	0.249	0.214	77	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		QC VN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QC VN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QC VN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QC VN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		quan và trước khi kênh chính phân thành kênh chính Nam và kênh chính Bắc.	Nước màu xanh trong. Có nhiều cỏ và rác trôi trên kênh.								
8	TL. đập điều tiết Bọt Thượng	Đánh giá CLN thượng lưu kênh tưới C6.	Trời nắng, nhiệt độ = 37°C, độ ẩm 52%, mật độ mây 50%, gió ĐN 10 km/h. Dòng chảy trung bình, công mở. Nước màu xanh trong.	6.82	21.6	6.63	0.1	0.272	0.248	83	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
9	TL. xi phông Bình Trị	Đánh giá CLN hạ lưu kênh tưới C6.	Trời nắng, nhiệt độ = 37°C, độ ẩm 53%, mật độ mây 60%, gió ĐN 10	7.56	33.6	6.73	0.1	0.365	0.376	79	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
			km/h. Dòng chảy chậm, cống mở. Nước màu xanh. Có nhiều cỏ và rác trôi trên kênh.								pH, DO đạt mức A.
10	TL. đập điều tiết Phong Lạc	Đánh giá CLN thượng lưu kênh chính Bắc.	Trời nắng, nhiệt độ = 37°C, độ ẩm 56%, mật độ mây 50%, gió ĐN 10 km/h. Dòng chảy chậm, cống mở. Nước màu xanh trong. Có nhiều cỏ và rác trôi trên kênh.	6.15	21.2	6.17	0.1	0.326	0.347	79	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
11	TL. đập điều tiết Quy Xá	Đánh giá CLN đoạn trung lưu kênh chính Bắc trước	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 36°C, độ ẩm 60%, mật độ mây 80%, gió ĐN 8 km/h.	6.88	30	6.9	0.1	0.303	0.466	89	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		khí kênh chính Bắc chảy qua huyện Đông Sơn và thành phố Thanh Hóa.	Dòng chảy nhanh, công mở. Nước màu xanh trong. Có rác trôi trên kênh.								mức A.
12	TL. đập điều tiết Lộc Giang	Đánh giá CLN kênh chính Bắc tại khu vực dân cư phát triển như thị trấn Nhồi huyện Đông Sơn trước khi kênh chính Bắc chảy vào thành phố Thanh Hóa.	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 30°C, độ ẩm 75%, mật độ mây 85%, gió TN 3 km/h. Dòng chảy trung bình, công mở, mực nước cao. Nước màu xanh trong. Có nhiều rác trên kênh.	6.9	22	6.2	0.1	0.287	0.410	83	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A				6.5 – 8.5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8.5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8.5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
13	TL. Xiphông Mật Sơn	Đánh giá CLN kênh chính Bắc tại thành phố Thanh Hóa và đánh giá CLN đầu vào cấp nước cho NMN Mật Sơn.	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 30°C, độ ẩm 82%, mật độ mây 90%, gió TN 3 km/h. Dòng chảy trung bình, cống mở. Nước màu xanh. Có nhiều cỏ và rác trôi trên kênh.	6.73	20	5.41	0.1	0.311	0.358	89	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B.
14	TL. đập điều tiết Chợ Nhàng	Đánh giá CLN kênh chính Bắc sau khi chảy qua thành phố Thanh Hóa.	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 30°C, độ ẩm 80%, mật độ mây 90%, gió TN 3 km/h. Dòng chảy trung bình, cống mở. Nước màu xanh lục. Có nhiều cỏ và	7.26	35.3	5.7	0.1	0.365	0.439	92	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>	6.5 – 8.5		≥ 6					
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>	6 – 8.5		≥ 5					
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>	6 – 8.5		≥ 4					
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
			rác trôi trên kênh.								
15	TL. đập điều tiết Quảng Minh	Đánh giá CLN hạ lưu kênh chính Bắc.	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 30°C, độ ẩm 80%, mật độ mây 90%, gió TN 3 km/h. Dòng chảy chậm. Cống mở. Có nhiều rác ở thượng lưu cống. Nước màu lục.	6.8	32.5	4.75	0.1	0.404	0.360	91	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.
16	TL. đập điều tiết Đại Lý	Đánh giá CLN kênh tưới B9 là nhánh của kênh Bắc.	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 35°C, độ ẩm 65%, mật độ mây 85%, gió ĐN 6 km/h. Dòng chảy rất chậm, cống mở, mực nước thấp. Có nhiều rác thải trên kênh. Nước màu	6.97	54.5	5.1	0.1	0.389	0.326	120	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>	6.5 – 8.5		≥ 6					
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>	6 – 8.5		≥ 5					
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>	6 – 8.5		≥ 4					
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
			xanh lục.								
17	TL. đập điều tiết Đồng Lạc	Đánh giá CLN kênh tưới B10 là nhánh của kênh Bắc.	Trời nắng, nhiệt độ = 36°C, độ ẩm 55%, mật độ mây 65%, gió ĐN 10 km/h. Dòng chảy trung bình, cống mở, mực nước thấp. Nước màu xanh.	7.37	32.6	7.5	0.1	0.350	0.428	80	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
18	TL. xiphông sông Lý	Đánh giá CLN kênh tưới B22 là nhánh của kênh Bắc.	Trời nắng, nhiệt độ = 34°C, độ ẩm 66%, mật độ mây 60%, gió ĐN 6 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Dưới kênh có rác. Nước màu lục.	7.61	30.4	6.9	0.1	0.241	0.495	114	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
19	TL. cống	Đánh giá	Trời nắng, nhiệt độ	6.98	23.1	6.25	0.1	0.334	0.281	82	Các chỉ tiêu

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	điều tiết Phúc Như	CLN thượng lưu kênh chính Nam.	= 37°C, độ ẩm 52%, mật độ mây 55%, gió ĐN 10 km/h. Dòng chảy trung bình, cống mở. Nước màu xanh trong.								quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
20	TL. Xi phong Đô Xá	Đánh giá CLN kênh chính Nam trước khi đi qua xi phong Đô Xá.	Trời nắng, nhiệt độ = 37°C, độ ẩm 52%, mật độ mây 60%, gió ĐN 10 km/h. Dòng chảy trung bình, cống mở. Có cỏ nước ở dưới kênh. Nước màu xanh trong.	6.6	25.5	7.01	0.1	0.350	0.308	81	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
21	TL. đập điều tiết Phương	Đánh giá CLN kênh chính Nam	Trời nắng, nhiệt độ = 36°C, độ ẩm 61%, mật độ mây	6.8	27.8	7.09	0.1	0.233	0.151	89	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)		
QCVN 08:2023 - A				6.5 – 8.5		≥ 6						
QCVN 08:2023 - B				6 – 8.5		≥ 5						
QCVN 08:2023 - C				6 – 8.5		≥ 4						
QCVN 08:2023 - D				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2						
	Khê	trước khi qua điều tiết Phương Khê.	60%, gió ĐN 2 km/h. Dòng chảy trung bình, cống mở, mực nước cao. Nước màu xanh.									pH, DO đạt mức A.
22	TL. đập điều tiết Cỗ Định	Đánh giá CLN hạ lưu kênh chính Nam	Trời nắng, nhiệt độ = 35°C, độ ẩm 62%, mật độ mây 65%, gió ĐN 6 km/h. Dòng chảy trung bình, cống mở. Dưới kênh có nhiều cỏ nước. Nước màu xanh.	6.97	24.5	7.31	0.1	0.210	0.131	87	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.	
23	TL. Xi phông Nhuyễn Thôn	Đánh giá CLN kênh tưới N8 là nhánh của	Trời nắng, nhiệt độ = 34°C, độ ẩm 65%, mật độ mây 60%, gió ĐN 6	7.45	12.2	7.4	0.1	0.140	0.151	89	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường	

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		kênh Nam.	km/h. Dòng chảy rất chậm, cống mở, mực nước thấp. Nước màu xanh.								pH, DO đạt mức A.

Ghi chú:

QCVN 08:2023 Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức C: Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức D: Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.

Nơi nhận:

- Cục Thủy lợi;
- Cty TNHH MTV KTCTTL Sông Chu;
- Ban QL và ĐTXD Thủy lợi 3;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu phòng TN&TVQLCLN,MT.

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2024

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Đào Ngọc Tuấn